

Số: 01/2024/QĐST-LĐ

Thuận Nam, ngày 04 tháng 7 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN LAO ĐỘNG**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN NAM, TỈNH NINH THUẬN

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Quốc Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Xuân Trọng
2. Ông Nguyễn Báu.

Căn cứ vào các điều 217, 218, 219, 235 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Xét thấy: Ngày 09/01/2023, nguyên đơn ông Nguyễn Duy V khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam yêu cầu giải quyết tranh chấp lao động, đối với bị đơn Công ty TNHH C: Yêu cầu tuyên bố Công ty TNHH C làm trái quy định Bộ luật Lao động về việc không ký hợp đồng lao động với ông; Tuyên bố Công ty TNHH C đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật với ông; Bồi thường do chấm dứt hợp đồng lao động với ông trái pháp luật các khoản: Bồi thường đủ số tháng lương còn lại do ông không được làm việc tại Công ty là 06 tháng theo hợp đồng lao động 12 tháng mà ông phải được ký theo pháp luật (kể từ tháng 3/2021 đến hết tháng 7/2021), số tiền là 282.000.000 đồng (*bằng chữ: Hai trăm tám mươi hai triệu đồng*), cách tính: 47.000.000 đồng/tháng x 6 tháng. Bồi thường trợ cấp thôi việc, trả trợ cấp thất nghiệp và thiệt hại danh dự, chi phí y tế và nhiều rủi ro trong suốt một thời gian dài không có các khoản bảo hiểm đi làm, nên ông yêu cầu bồi thường 12 tháng lương, số tiền là 564.000.000 đồng (*bằng chữ: Năm trăm sáu mươi bốn triệu đồng*), cách tính: 47.000.000 đồng/tháng x 12 tháng. Chi trả và bồi thường số ngày phép đáng được hưởng trong một năm, mỗi ngày là 1.880.000 đồng (cách tính: 47.000.000 đồng/25 ngày), số tiền là 22.560.000 đồng (*bằng chữ: Hai mươi hai triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng*), cách tính: 1.880.000 đồng/ngày x 12 ngày. Tổng các khoản bồi thường ông yêu cầu là 868.260.000 đồng (*bằng chữ: Tám trăm sáu mươi tám triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng*); Yêu cầu Công ty TNHH C phải đóng và chốt sổ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm thất nghiệp cho ông đến hết thời hạn hợp đồng theo quy định, với mức lương thực nhận là 47.000.000 đồng/tháng. Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam đã thụ lý các yêu cầu khởi kiện của ông V trong vụ án lao động thụ lý số 01/2023/TLST-LĐ ngày 14 tháng 02 năm 2023.

Ngày 14/6/2024, Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty TNHH C nộp Đơn kiến nghị về việc “Yêu cầu áp dụng quy định về thời hiệu để giải quyết vụ

án lao động” và ngày 28/6/2024 tiếp tục có Đơn sửa đổi, bổ sung đơn yêu cầu về việc “*Yêu cầu áp dụng quy định về thời hiệu để giải quyết vụ án lao động*” và tại phiên tòa sơ thẩm, phía bị đơn cho rằng ông Nguyễn Duy V đã biết quyền và lợi ích hợp pháp của ông bị xâm phạm từ ngày 06/02/2021 và đến ngày 01/4/2021, ông V hoàn toàn nhận thức được quyền lợi liên quan đến việc chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty TNHH C từ việc ký Biên bản bàn giao nghỉ việc vào ngày 06/02/2021; hiểu rõ quyền và lợi ích của mình liên quan đến việc nghỉ việc nhưng hai bên đã đạt được thỏa thuận và hoàn thành trách nhiệm với nhau nên ông V đã không có ý kiến nào khác, nhưng đến tháng 01/2023 ông V mới khởi kiện là hết thời hiệu khởi kiện nên yêu cầu Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án lao động thụ lý số 01/2023/TLST-LĐ ngày 14 tháng 02 năm 2023 do bị đơn có yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện và thời hiệu khởi kiện đã hết theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông V trình bày: ông V cho rằng ngày ông biết quyền và lợi ích hợp pháp của ông bị xâm phạm khi ông bị Công ty TNHH C đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông trái pháp luật là ngày ông viết gmail gửi bị đơn yêu cầu giải quyết chế độ thôi việc cho ông là ngày 23/5/2022.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Nam tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu đình chỉ giải quyết vụ án lao động này do bị đơn có yêu cầu áp dụng thời hiệu trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ án và thời hiệu khởi kiện đã hết theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Nguyễn Duy V khởi kiện Công ty TNHH C yêu cầu tuyên bố Công ty TNHH C đơn phương chấm dứt hợp đồng với ông trái pháp luật, bồi thường thiệt hại, trợ cấp khi chấm dứt hợp đồng lao động; yêu cầu đóng và chốt bảo hiểm xã hội. Bị đơn Công ty TNHH C có trụ sở tại Quốc lộ 1A, xã Phước Minh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ điểm a, b và d khoản 1 Điều 32, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự, đây là vụ án lao động “*Tranh chấp về trường hợp bị đơn đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động; bồi thường thiệt hại, trợ cấp khi chấm dứt hợp đồng*

lao động; tranh chấp về bảo hiểm xã hội” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

Về hình thức: Yêu cầu áp dụng thời hiệu của bị đơn Công ty TNHH C được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ án nên vẫn còn trong thời hạn được xem xét theo quy định tại khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Nguyên đơn ông Nguyễn Duy V và bị đơn Công ty TNHH C đều thừa nhận có xác lập quan hệ lao động theo Thư mời nhận việc ngày 13/5/2020 nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại Đơn khởi kiện của ông Nguyễn Duy V đề ngày 03/01/2023 (BL 74 đến BL 79) và Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 07/4/2023 (BL 94, 95) thể hiện, và tại phiên tòa sơ thẩm ông V khai: Đến giữa tháng 02/2021, Công ty TNHH C đã thông báo với nhân viên công ty chấm dứt hợp tác với ông V, đồng thời chỉ đạo nhân viên bàn giao công việc và tài sản bao gồm xe ô tô Camry, máy tính Laptop. Thời điểm đó, ông V đã tiến hành bàn giao đầy đủ. Sau khi hai bên thống nhất mọi bàn giao, tài sản bao gồm xe ô tô Camry, máy tính Laptop cùng dữ liệu liên quan theo Biên bản bàn giao ngày 06/02/2021 do bị đơn cung cấp và ông V xác nhận đã ký vào biên bản này và chốt số tiền còn thiếu cần thanh toán (trao đổi cụ thể qua Gmail) giữa ông với phía công ty, cũng như ông V không còn trách nhiệm gì khác, Công ty TNHH C đã thanh toán tiền lương, công tác phí còn thiếu này qua tài khoản của ông. Ngày 23/5/2022, ông V đã viết Gmail gửi ông Nguyễn Hoàng Anh (bị đơn xác nhận là thành viên góp vốn của Công ty, còn ông V cho rằng là người điều hành mọi hoạt động của Công ty TNHH C) và gửi đến các cá nhân có trách nhiệm của Công ty TNHH C yêu cầu giải quyết chế độ thôi việc trái pháp luật, yêu cầu bồi thường và đóng bảo hiểm xã hội cho ông. Ngày 04/11/2022, Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 07/2022/QĐST-LĐ (có đóng dấu đã có hiệu lực pháp luật) với lý do ông Nguyễn Duy V có đơn rút đơn khởi kiện đề ngày 04/11/2022, có nội dung tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện (BL 97). Xét thấy: Sau khi ông V và Công ty TNHH C đã bàn giao tài sản công ty, dữ liệu liên quan, bàn giao công việc vào ngày 06/02/2021, và chờ chốt số tiền còn thiếu cần thanh toán thì đến 26/3/2021, ông V gửi Gmail đến phía Công ty TNHH C (BL 136), có nội dung: *“Em và anh em muốn hỏi anh về chốt bảo hiểm theo luật. Anh em rất lâu không được ký hợp đồng lao động ...; Giờ anh em nghỉ và kể cả em không một trợ cấp; Em đại diện anh em hỏi anh để tìm cách nào đó cho anh em; Rất mong anh xem và có phản hồi”*. Tiếp sau đó, khi hai bên chốt số tiền còn thiếu và Công ty TNHH C đã chuyển khoản số tiền còn thiếu cho ông V thì ông V đã gửi Gmail (BL 133) xác nhận đã nhận được tiền và cảm ơn vào ngày 01/4/2021. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông V xác nhận số tiền ông xác nhận đã nhận theo nội dung gmail ngày 01/4/2021 (BL 133) chỉ gồm tiền lương và công tác phí tính đến hết tháng 02/2021, không bao gồm các khoản tiền trợ cấp, chế độ khi nghỉ việc. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông V xác nhận các nội dung gmail và zalo trong đó có: nội dung các Gmail tại BL 131, BL 133, BL 136 đều do ông V cung cấp nộp cho Tòa án theo Vi bằng số 556/2023VB-TPLBC ngày 28-30/03/2023 của Văn phòng Thừa phát lại huyện Bình Chánh là do ông V tự viết nội dung và gửi bằng

Gmail của ông V có tên là “nguyenduyvu18101974@gmail.com” để gửi đến những người có trách nhiệm của Công ty TNHH C. Vì vậy, đủ cơ sở xác định, ông Nguyễn Duy V đã biết việc Công ty TNHH C không ký kết hợp đồng lao động và không đóng bảo hiểm xã hội cho ông trong suốt quá trình ông làm việc tại công ty sau khi hết thời gian thử việc đến khi ông V nghỉ việc tại công ty, điều này cũng phù hợp với nội dung xác minh tại Công văn số 117/BHXXH-TH ngày 10/5/2023 của Bảo hiểm xã hội huyện Thuận Nam đã xác nhận Công ty TNHH C không có đăng ký đóng Bảo hiểm xã hội (BHXXH), Bảo hiểm y tế (BHYT), Bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), Bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp cho ông Nguyễn Duy V; ông V biết việc ông không được nhận các khoản trợ cấp, chế độ khi nghỉ việc nên gửi Gmail yêu cầu phía Công ty TNHH C xem xét vào ngày 26/3/2021 (BL 136); ông V đã biết Công ty TNHH C chỉ thanh toán tiền lương, công tác phí còn thiếu tính đến hết tháng 02/2021 và ông đã xác nhận đã nhận đủ số tiền còn thiếu này vào ngày 01/4/2021 (BL 133), nhưng ông không có khiếu nại gì về các khoản trợ cấp, chế độ khi nghỉ việc sau khi đã nhận đủ số tiền này. Đến ngày 23/5/2022, ông mới gửi Gmail (BL 131) yêu cầu Công ty TNHH C giải quyết chế độ thôi việc cho ông (01 năm 01 tháng, kể từ khi ông nhận đủ số tiền Công ty TNHH C thanh toán khoản tiền còn thiếu và được ông V xác nhận đã nhận, BL 133) và cho rằng đây là ngày ông biết được quyền và lợi ích hợp pháp của ông bị xâm phạm nên ông cho rằng tính đến ngày khởi kiện thì vụ án vẫn còn thời hiệu khởi kiện là không có căn cứ chấp nhận. Đến ngày 09/01/2023, ông V nộp đơn khởi kiện qua dịch vụ bưu chính có đóng dấu của tổ chức dịch vụ bưu chính nơi gửi là ngày 09/01/2023 (BL 01) nên xác định ngày ông V khởi kiện là ngày 09/01/2023 theo quy định tại khoản 2 Điều 190 Bộ luật tố tụng Dân sự. Vì vậy, tính đến ngày khởi kiện là ngày 09/01/2023, ông V mới khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam giải quyết tranh chấp lao động về trường hợp bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, bồi thường thiệt hại, trợ cấp khi chấm dứt hợp đồng lao động và tranh chấp về bảo hiểm xã hội là 01 năm 08 tháng kể từ ngày 01/4/2021, nếu tính trừ thời gian giãn cách xã hội do Dịch bệnh Covid 19 trong năm 2021 thì cũng đã quá thời hạn 01 năm kể từ ngày ông V phát hiện ra tất cả các hành vi cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị vi phạm nên bị đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện và thời hiệu khởi kiện đã hết là có căn cứ, đúng quy định tại khoản 3 Điều 190 Bộ luật Lao động, theo đó: Thời hiệu yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp lao động cá nhân là 01 năm kể từ ngày phát hiện ra hành vi mà bên tranh chấp cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị vi phạm, đối với tranh chấp lao động cá nhân quy định tại điểm a, b, d khoản 1 Điều 188 Bộ luật Lao động; điểm a, b và d khoản 1 Điều 32 và Điều 184 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Nam về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên chấp nhận; chấp nhận yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện do thời hiệu khởi kiện đã hết để đình chỉ giải quyết vụ án của người đại diện theo ủy quyền bị đơn và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn; không chấp nhận ý kiến cho rằng vụ án vẫn còn thời hiệu khởi kiện của nguyên đơn; Do vụ án bị đình chỉ giải quyết do thời hiệu khởi kiện đã hết nên Hội đồng xét xử không xem xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ giải quyết vụ án lao động này do bị đơn có yêu cầu áp dụng thời hiệu

trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ án và thời hiệu khởi kiện đã hết theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ giải quyết vụ án lao động thụ lý số: 01/2023/TLST-LĐ ngày 14 tháng 02 năm 2023 về việc *“Tranh chấp về trường hợp bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động; bồi thường thiệt hại, trợ cấp khi chấm dứt hợp đồng lao động; tranh chấp về bảo hiểm xã hội”*, giữa:

1. Nguyên đơn: ông Nguyễn Duy V, sinh năm 1974

Nơi thường trú: Số L, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Chung cư R, Số 4 D, phường P, Quận C1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Công ty TNHH C

Địa chỉ trụ sở: Quốc lộ 1A, xã Phước Minh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Thị Bích N - chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: ông Đỗ Trọng Q, sinh năm 1975.

Địa chỉ: khu phố L, phường K, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Trịnh Thị H - Luật sư Công ty Luật TNHH H, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: khu phố L, phường K, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH K1.

Địa chỉ trụ sở: L, xã K2, huyện TP, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn A, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số 113 Trần Hưng Đ, phường C3, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Đỗ Trọng Q, sinh năm 1975 và bà Trịnh Thị H – sinh năm 1986

Địa chỉ: khu phố L, phường K, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án:

- Đương sự không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án lao động này, nếu việc khởi kiện vụ án sau không có gì khác với vụ án trước về nguyên đơn, bị đơn và quan hệ pháp luật có tranh chấp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 192, điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

- Ông Nguyễn Duy V được miễn toàn bộ tạm ứng án phí, án phí sơ thẩm trong vụ án này theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/NQ-HĐTP ngày 31/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

3. Đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 07 (Bảy) ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Báu

Lê Xuân Trọng

Nguyễn Quốc Tâm

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thuận Nam;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Quốc Tâm

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 46-DS:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự; nếu Tòa án ra quyết định là Tòa án nhân dân cấp huyện cần ghi rõ tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Thanh Hoá). Nếu Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh, (thành phố) nào (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: số 02/2017/QĐST - KDTM).

(3) Ghi cụ thể lý do của việc đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thuộc trường hợp nào quy định tại Điều 217 hoặc các điều luật khác của Bộ luật tố tụng dân sự (ví dụ: xét thấy nguyên đơn là cá nhân đã chết mà quyền, nghĩa vụ của họ không được thừa kế quy định tại điểm a khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự).

(4) Ghi số, ngày tháng năm thụ lý vụ án (ví dụ: số 50/2017/TLST-KDTM).

(5) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).

(6), (7) và (8) Nếu nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cá nhân, thì ghi họ tên và địa chỉ của cá nhân đó; nếu là cơ quan, tổ chức, thì ghi tên, địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó (ghi theo đơn khởi kiện).

(9) Tùy vào từng trường hợp đình chỉ vụ án cụ thể mà ghi hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án quy định tại Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự (kể cả về tiền tạm ứng án phí).

(10) Tùy từng trường hợp cụ thể mà ghi tên cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện (nếu có).

(11) Phần cuối cùng của Quyết định cần phải có đầy đủ chữ ký, họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử (Quyết định này phải lưu vào hồ sơ vụ án); Quyết định gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức khởi kiện và Viện kiểm sát cùng cấp thì cần ghi như sau: